TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG TỈNH QUẢNG NGÃI

Số:28/KH-LĐLĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ngãi, ngày 17 tháng 9 năm 2015

KẾ HOẠCH

Sơ kết 05 năm thực hiện Nghị quyết 06a/NQ-TLĐ ngày 06/01/2011 của Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam khóa X về "tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức và nâng cao chất lượng hoạt động của công đoàn cơ sở"

Thực hiện Kế hoạch số 45/KH-TLĐ ngày 21/8/2015 của Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam về việc sơ kết 05 năm thực hiện Nghị quyết 06a/NQ-TLĐ ngày 06/01/2011 về "tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức và nâng cao chất lượng hoạt động của công đoàn cơ sở"; Đề án số: 05/ĐA-LĐLĐ, ngày 10/5/2011 về Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động Công đoàn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2010-2020 của Ban Thường vụ LĐLĐ tỉnh và Chương trình làm việc toàn khóa của Ban Chấp hành Liên đoàn Lao động tỉnh khóa XII, Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động tỉnh xây dựng kế hoạch sơ kết thực hiện Nghị quyết như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Nhằm đánh giá việc thực hiện Nghị quyết 6a/NQ-TLĐ ở các cấp công đoàn trong tỉnh trong 5 năm qua, về những kết quả đạt được, khó khăn, yếu kém, vướng mắc, nguyên nhân, rút ra bài học kinh nghiệm, đề xuất kiến nghị tiếp tục thực hiện tốt hơn nữa các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp Nghị quyết 6a/NQ-TLĐ. Thông qua việc sơ kết, nhằm nâng cao nhận thức đối với cán bộ công đoàn và trách nhiệm của các cấp công đoàn trong tỉnh trong việc đổi mới nội dung, phương thức và nâng cao chất lượng hoạt động của công đoàn cơ sở.

2. Việc sơ kết là trách nhiệm của mỗi cấp công đoàn trong tỉnh, được thực hiện từ cấp cơ sở trở lên, cần được thực hiện nghiêm túc, thiết thực, bám sát mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết 6a/NQ-TLĐ. Cần nêu rõ nguyên nhân chủ quan, khách quan của những thành tựu, những tồn tại, hạn chế và các giải pháp khắc phục.

II. NỘI DUNG, HÌNH THỨC

1. Nội dung

1.1. Căn cứ vào quan điểm, mục tiêu, các nhiệm vụ và giải pháp của Nghị quyết 6a/NQ-TLĐ của Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn để tập trung đánh giá kết quả thực hiện, trong đó cần làm rõ một số nội dung như sau:

- Công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện Nghị quyết 6a/NQ-TLĐ.

- Đánh giá thực trạng về công tác tổ chức, cán bộ, về nội dung, phương thức hoạt động và đổi mới nội dung phương thức hoạt động của CĐCS, công tác đảm bảo điều kiện hoạt động đối với CĐCS, công tác chỉ đạo hoạt động của công đoàn cấp trên đối với CĐCS.

- Nguyên nhân của những kết quả đạt được và những hạn chế khuyết điểm, yếu kém, rút ra bài học kinh nghiệm sau 5 năm thực hiện Nghị quyết.

1.2. Đề xuất, kiến nghị đối với Đảng, Nhà nước, Tổng Liên đoàn, Công đoàn cấp trên (nếu có) về các điều kiện đảm bảo để tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức và nâng cao chất lượng hoạt động của công đoàn cơ sở.

1.3. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu để tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức và nâng cao chất lượng hoạt động của công đoàn cơ sở trong những năm tiếp theo.

(có gợi ý đề cương báo cáo kèm theo)

2. Hình thức tổ chức sơ kết Nghị quyết: Các cấp công đoàn không tổ chức riêng hội nghị sơ kết thực hiện Nghị quyết 6a/NQ-TLĐ, tuỳ theo điều kiện cụ thể có thể kết hợp nội dung sơ kết tại hội nghị ban chấp hành cùng cấp hoặc bằng văn bản báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết đối với công đoàn cấp trên.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đối với LĐLĐ các huyện, thành phố Công đoàn ngành và tương đương:

Có văn bản chỉ đạo Công đoàn cơ sở trực thuộc thực hiện báo cáo sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết 6a/NQ-TLĐ theo đề cương hướng dẫn của TLĐ, trên cơ sở đó xây dựng báo cáo sơ kết của cấp mình và tổng hợp các kiến nghị của đoàn viên công đoàn, CNVCLĐ có liên quan đến việc thực hiện Nghị quyết 6a/NQ- TLĐ gửi về Liên đoàn Lao động tỉnh (qua Ban Tổ chức) ***trước ngày 15/10/2015.***

2. Công đoàn cơ sở trực thuộc Liên đoàn Lao động tỉnh:

Xây dựng báo cáo sơ kết việc thực hiện Nghị quyết 6a/NQ- TLĐ gửi về Liên đoàn Lao động tỉnh (qua Ban Tổ chức) ***trước ngày 15/10/2015.***

3. Đối với Liên đoàn Lao động tỉnh:

- Chỉ đạo, hướng dẫn các cấp công đoàn báo cáo sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết 6a/NQ-TLĐ đúng nội dung và thời gian quy định.

- Xây dựng dự thảo báo cáo sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết 6a/NQ-TLĐ gởi Tổng Liên đoàn. Thời gian hoàn thành trước ngày 30/10/2015.

- Giao Ban Tổ chức Liên đoàn Lao động tỉnh chủ trì phối hợp với các ban của Liên đoàn Lao động tỉnh có liên quan giúp Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động tỉnh theo dõi, đôn đốc và tổ chức thực hiện Kế hoạch này.

TM BAN THƯỜNG VỤ
CHỦ TỊCH

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
BCH LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG TỈNH QUẢNG NGÃI

Ngô Thị Kim Ngọc

Nơi nhận:
- Ban Dân vận tỉnh ủy *(theo dõi)*;
- Th.Trực LĐLĐ tỉnh *(chỉ đạo)*;
- Các Ban LĐLĐ tỉnh *(ph/hợp)*;
- LĐLĐ các huyện, thành phố, CĐ ngành và tương đương *(th/hiện)*;
- CĐCS trực thuộc LĐLĐ tỉnh *(th/hiện)*;
- Lưu: VT + TốC.

GỢI Ý ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
Sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết 6a/NQ-TLĐ
(Kèm theo Kế hoạch số: 28 /KH-LĐLĐ ngày 17 tháng 9 năm 2015)

Phần thứ nhất
KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 6a/NQ-TLĐ

I. ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH CHUNG

1. Tình hình công nhân, viên chức, lao động, đoàn viên công đoàn.

- Khái quát sự phát triển kinh tế- xã hội, doanh nghiệp tại ngành, địa phương, đơn vị, ảnh hưởng đến sự phát triển CNVCLĐ và đoàn viên công đoàn.

- Khái quát tình hình đời sống, việc làm, thu nhập bình quân của CNVCLĐ.

2. Thuận lợi, khó khăn:

Những vấn đề liên quan tới việc triển khai thực hiện Nghị quyết 6a/NQ-TLĐ.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 6a/NQ-TLĐ.

Căn cứ quan điểm, mục tiêu, các nhiệm vụ và giải pháp của Nghị quyết để tiến hành sơ kết. Trong đó tập trung những nội dung cơ bản sau:

1. Công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện Nghị quyết 6a/NQ-TLĐ.

- Các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn các cấp công đoàn và cấp ủy Đảng đối với việc triển khai thực hiện Nghị quyết 6a/NQ-TLĐ.

- Vai trò, trách nhiệm của công đoàn cấp trên, cấp ủy Đảng đối với CĐCS trong quá trình triển khai thực hiện.

- Sự phối kết hợp của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp liên quan đến việc thực hiện Nghị quyết 6a/NQ-TLĐ.

2. Về tổ chức và cán bộ:

2.1. Về đội ngũ cán bộ CĐCS:

- Đánh giá được số lượng, chất lượng cán bộ CĐCS theo vị trí, chức danh, chức vụ công tác; việc thực hiện quyền và nhiệm vụ của cán bộ CĐCS; trình độ, năng lực và uy tín công tác.

- Kết quả bố trí và sử dụng cán bộ công đoàn chuyên trách CĐCS:

+ Đối với khu vực nhà nước: Theo Quyết định số 395/QĐ-TLĐ ngày 6/3/2002.

+ Đối với khu vực ngoài nhà nước: Theo Quyết định số 525/QĐ-TLĐ ngày 25/4/2011 và Quyết định số 1617/QĐ-TLĐ ngày 31/12/2014 của Đoàn Chủ tịch TLĐ.

- Kết quả thực hiện các chế độ, chính sách đối với cán bộ CĐCS, trong đó làm rõ việc thực hiện HĐLĐ, chế độ chi trả tiền lương, phụ cấp theo lương, BHXH, BHYT, BHTN, giải quyết chế độ thôi việc đối với cán bộ chuyên trách CĐCS...

2.2. Về cơ cấu tổ chức của CĐCS:

- Đánh giá được kết quả về số lượng, chất lượng hoạt động của các loại hình CĐCS, CĐCS thành viên, CĐ bộ phận, tổ công đoàn, (số đơn vị ghép), hoạt động của

các ban chấp hành, ban thường vụ (nếu có) CĐCS; số CĐCS có cán bộ chuyên trách ở khu vực nhà nước và khu vực ngoài nhà nước.

- Kết quả việc củng cố, sắp xếp, kiện toàn về cơ cấu tổ chức, lựa chọn cán bộ công đoàn của CĐCS: Đánh giá về số lượng, chất lượng, những thuận lợi, khó khăn, hạn chế trong việc sắp xếp, kiện toàn mô hình hoạt động của CĐCS, CĐCS thành viên, CĐ bộ phận, tổ CĐ, các BCH, BTV của CĐCS. Đánh giá hiệu quả sau khi sắp xếp, kiện toàn.

- Số lượng, tỷ lệ CĐCS có quy chế phối hợp hoạt động, quy chế nội bộ của tổ chức công đoàn; chất lượng và hiệu quả việc thực hiện các quy chế.

3. Về nội dung và phương thức hoạt động của CĐCS:

3.1. Kết quả đổi mới nội dung hoạt động của CĐCS, thể hiện như sau:

- Kết quả việc đổi mới cách thức, quy trình xây dựng, thương lượng ký kết và giám sát thực hiện TULĐTT, theo hướng tăng cường sự tham gia trực tiếp của đoàn viên, người lao động và vai trò hỗ trợ của CĐ cấp trên đối với CĐCS trong quá trình xây dựng, thương lượng ký kết và giám sát thực hiện TULĐTT tại các DN; phản ánh số lượng, và kết quả phân loại chất lượng TULĐTT (theo tiêu chí đánh giá của Tổng Liên đoàn).

- Công tác phối hợp với chuyên môn hoặc chính quyền đồng cấp trong việc thực hiện chế độ, chính sách, pháp luật trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp và tham gia kiểm tra, thanh tra, giám sát thực hiện pháp luật lao động, công đoàn trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp.

- Công tác phát triển đoàn viên, thành lập CĐCS. Trong đó, đánh giá kết quả thành lập CĐCS theo Điều 17 Điều lệ CĐVN khóa XI; chất lượng đoàn viên, công tác quản lý đoàn viên, cấp phát và quản lý thẻ đoàn viên.

- Kết quả xây dựng tổ chức CĐCS: Tập trung đánh giá về chất lượng, hiệu quả trong công tác chỉ đạo, đánh giá, xếp loại CĐCS vững mạnh hằng năm, xác định được số lượng và tỷ lệ CĐCS vững mạnh theo Nghị quyết 6a/NQ-TLĐ.

- Kết quả đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công đoàn: Nội dung, chương trình ĐTBD; cách thức tổ chức đào tạo, bồi dưỡng ở các cấp công đoàn hiện nay. Chất lượng, hiệu quả của công tác đào tạo, bồi dưỡng.

3.2. Kết quả đổi mới phương thức hoạt động của CĐCS:

- Tổng hợp những nội dung trọng tâm cơ bản mà các CĐCS (các loại hình CĐCS) xác định và lựa chọn tập trung tổ chức thực hiện.

- Tổng kết, đánh giá những nội dung, cách làm mới, sáng tạo, các CĐCS điển hình thu hút, hấp dẫn được đông đảo CNVCLĐ, đoàn viên tham gia, thu hút được sự quan tâm, tạo điều kiện của NSDLĐ, các cấp uỷ Đảng, chính quyền đồng cấp... Đối với công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở cần nêu bật nội dung và cách thức chỉ đạo CĐCS theo cách mới.

4. Về kinh phí hoạt động

- Đánh giá kết quả thực hiện công tác thu, chi, quản lý tài chính, tài sản của CĐCS.

- Việc phân cấp tài chính của công đoàn cấp trên

- Quy định tỷ lệ thu, chi, phân phối, phân cấp thu, chi kinh phí công đoàn hiện nay có những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc gì đối với CĐCS.

- CĐCS đã triển khai các sáng kiến, giải pháp gì nhằm tăng nguồn thu tài chính công đoàn, thu hút đông đảo đoàn viên, CNVCLĐ tham gia.

- Những kết quả cụ thể về sự quan tâm tạo điều kiện đối với CĐCS của người sử dụng lao động (quan tâm hỗ trợ kinh phí cho hoạt động của CĐCS, bố trí văn phòng công đoàn, chế độ khuyến khích động viên bằng vật chất, tinh thần đối với NLĐ, CBCĐ...)

5. Đối với công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở trở lên: (không áp dụng đối với công đoàn cơ sở)

Ngoài đánh giá theo mục 1,2,3,4 phần I nêu trên, cần làm rõ các nội dung sau:

- Số lượng, chất lượng về tổ chức và cán bộ công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở, trong đó xác định số lượng cán bộ, đoàn viên của công đoàn ngành địa phương, LĐLĐ cấp huyện, công đoàn các KCN, công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở khác.

- Kết quả sắp xếp, kiện toàn bộ máy tổ chức công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở.

- Kết quả chỉ đạo xây dựng quy chế phối hợp chỉ đạo CĐCS giữa công đoàn cấp huyện, ngành địa phương, các KCN như thế nào? Việc sắp xếp, kiện toàn các CĐ tổng công ty, tập đoàn kinh tế thuộc LĐLĐ các tỉnh, thành phố, CĐN TW theo hướng cấp chỉ đạo trực tiếp CĐCS và theo Điều lệ CĐVN hiện hành.

- Đánh giá chất lượng đội ngũ cán bộ công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở.

- Những kết quả phát triển đoàn viên, thành lập CĐCS. Trong đó, phân tích cụ thể nội dung phát triển đoàn viên theo Điều 17 Điều lệ CĐVN.

- Công tác chỉ đạo các CĐCS có cùng ngành nghề trên địa bàn, thực hiện thí điểm việc thương lượng, ký kết TULĐTT ngành địa phương.

- Kết quả hỗ trợ các CĐCS thực hiện các chức năng, nhiệm vụ.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG:

1. Những ưu điểm:

1. Về công tác lãnh đạo, chỉ đạo và phối hợp chỉ đạo.

2. Về công tác tổ chức và cán bộ.

3. Về nội dung và phương thức hoạt động của CĐCS.

4. Về công tác quản lý và sử dụng tài chính, tài sản của CĐCS.

Lưu ý: Việc đánh giá cần làm rõ từ khi có nghị quyết thì những ưu điểm đạt được là gì so với trước khi chưa ban hành nghị quyết?

2. Những khó khăn, yếu kém và vướng mắc:

1. Về công tác lãnh đạo, chỉ đạo và phối hợp chỉ đạo.

2. Về công tác tổ chức và cán bộ.

3. Về nội dung và phương thức hoạt động của CĐCS.

4. Về công tác quản lý và sử dụng tài chính, tài sản của CĐCS.

5. Đối với Điều lệ, Hướng dẫn thi hành Điều lệ: Khó khăn, vướng mắc gì?

3. Nguyên nhân của khó khăn, yếu kém, vướng mắc:

VI. BÀI HỌC KINH NGHIỆM:

1. Về công tác lãnh đạo, chỉ đạo và phối hợp chỉ đạo.

2. Về công tác tổ chức và cán bộ.

3. Về nội dung và phương thức hoạt động của CĐCS.

4. Về công tác quản lý và sử dụng tài chính, tài sản của CĐCS.

5. Bài học chính rút ra từ thực tiễn của ngành, địa phương và cơ sở.

V. NHỮNG KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT:

1. Quá trình quản lý chỉ đạo giữa Công đoàn cấp trên trực tiếp với CĐCS theo quy định hiện hành: Có cần thiết phải thay đổi như thế nào cho phù hợp, tránh chồng chéo, không hiệu quả? Nhất là quản lý phối hợp, quản lý chỉ đạo giữa ngành với các địa phương, địa bàn, khu vực mà CĐCS đang hoạt động.

2. Về cơ cấu tổ chức CĐCS: Nội dung đề xuất, lý do đề xuất?

3. Về nội dung hoạt động của CĐCS, CĐCS thành viên, CĐ bộ phận, tổ công đoàn. Nêu rõ những vấn đề đang vướng mắc, đề xuất hướng giải quyết.

4. Các vấn đề liên quan đến công tác phát triển đoàn viên, thành lập CĐCS, quản lý đoàn viên; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công đoàn; công tác xây dựng CĐCS vững mạnh; công tác tài chính công đoàn và các hoạt động khác của CĐCS.

(kèm theo các phụ lục)

Phần thứ hai
PHƯƠNG HƯỚNG VÀ NHIỆM VỤ ĐẾN NĂM 2020

I. DỰ BÁO TÌNH HÌNH

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

Cần nghiên cứu đưa ra những sáng kiến, sáng tạo, nhằm tiếp tục thực hiện tốt các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Nghị quyết 6a/NQ-TLĐ như sau:

1. Về công tác lãnh đạo chỉ đạo.

2. Về công tác tổ chức và cán bộ.

3. Về nội dung và phương thức hoạt động của CĐCS.

4. Về công tác quản lý và sử dụng tài chính, tài sản công đoàn.

5. Về các vấn đề khác liên quan đến hoạt động công đoàn.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.

1. Đối với công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở.

2. Đối với công đoàn cơ sở.

***Ghi chú**: Ngoài báo cáo bằng văn bản, đề nghị các đơn vị gửi kèm file mềm theo địa chỉ thư điện tử: **phuongnamqn.tran@gmail.com** để tổng hợp.*

PHỤ LỤC SỐ 2

KẾT QUẢ XÂY DỰNG CĐCS VỮNG MẠNH; CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG VÀ SẮP XẾP, KIỆN TOÀN TỔ CHỨC CÔNG ĐOÀN CƠ SỞ

(Kèm theo báo cáo sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết 6a/TLĐ)

TT	Nội dung	ĐVT	Kết quả các năm			
			2011	2012	2013	2014
1	**Công tác xây dựng CĐCS vững mạnh**					
1.1	**Tổng số CĐCS, NĐ, trong đó:**	Cơ sở				
-	Số CĐCS, NĐ đủ điều kiện xếp loại	Cơ sở				
-	Số CĐCS, NĐ chưa đủ điều kiện xếp loại	Cơ sở				
1.2	**Kết quả xây dựng CĐCS, NĐ vững mạnh**					
a	*Khu vực Nhà nước*					
-	Vững mạnh xuất sắc và vững mạnh	%				
-	Khá	%				
-	Trung bình	%				
-	Yếu	%				
b	*Khu vực ngoài nhà nước*					
-	Vững mạnh xuất sắc và vững mạnh	%				
-	Khá	%				
-	Trung bình	%				
-	Yếu	%				
2	**Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công đoàn**					
-	Đại học công đoàn	người				
-	Đại học phần công đoàn	người				
-	Bồi dưỡng ngắn ngày nghiệp vụ công đoàn	người				
3	**Kết quả sắp xếp, kiện toàn tổ chức công đoàn cơ sở**					
-	Số CĐCS được chia tách	Cơ sở				
-	Số CĐCS được sáp nhập, hợp nhất	Cơ sở				
-	Số CĐCS được nâng cấp	Cơ sở				
-	Số Nghiệp đoàn thành lập mới	Cơ sở				

.....Ngày tháng năm 2015

Người tổng hợp

TM. BAN THƯỜNG VỤ

PHỤ LỤC SỐ 1

THỐNG KÊ CÁN BỘ VÀ MÔ HÌNH TỔ CHỨC CÔNG ĐOÀN CƠ SỞ

(Kèm theo báo cáo sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết 6a/TLĐ)

TT	Nội dung	ĐVT	Tổng số đến 10/2015
I	**CÁN BỘ CÔNG ĐOÀN CƠ SỞ**		
1	**Tổng số cán bộ CĐCS**	***người***	
-	Nữ	*người*	
-	Đảng viên	*người*	
-	Dân tộc thiểu số	*người*	
2	**Chia tổng số ra:**		
-	Chủ tịch, P.chủ tịch CĐCS	*người*	
-	Ủy viên ban chấp hành CĐCS	*người*	
	Ủy viên ban thường vụ CĐCS		
-	Chủ tịch, phó chủ tịch CĐCS thành viên	*người*	
-	Chủ tịch, phó chủ tịch Công đoàn bộ phận	*người*	
-	Tổ trưởng, tổ phó công đoàn	*người*	
-	Trưởng các ban quần chúng	*người*	
-	Ủy viên Ủy ban kiểm tra	*người*	
-	Cán bộ chuyên trách CĐCS, trong đó:	*người*	
	+ Khu vực nhà nước	*người*	
	+ Khu vực ngoài nhà nước	*người*	
3	**Trình độ trong tổng số cán bộ CĐCS**		
3.1	**Chuyên môn, nghiệp vụ**		
-	Giáo sư/phó giáo sư	*người*	
-	Tiến sỹ	*người*	
-	Thạc sỹ	*người*	
-	Đại học	*người*	
-	Cao đẳng	*người*	
-	Trung cấp	*người*	
3.2	**Lý luận chính trị**		
-	Cử nhân, cao cấp	*người*	
-	Trung cấp	*người*	
II	**VỀ MÔ HÌNH TỔ CHỨC CÔNG ĐOÀN CƠ SỞ**		
1	Tổng số CĐCS, NĐ	*Cơ sở*	
2	Số CĐCS sinh hoạt ghép	*Cơ sở*	
3	Số CĐCS, NĐ có cơ sở thành viên	*Cơ sở*	
4	Số CĐCS, NĐ có công đoàn bộ phận	*Cơ sở*	
5	Số CĐCS, NĐ có tổ công đoàn	*Cơ sở*	
6	Số Cơ sở thành viên	*Cơ sở*	
7	Số Công đoàn bộ phận	*Bộ phận*	
8	Số Tổ công đoàn	*Tổ CĐ*	

.....Ngày tháng năm 2015

Người tổng hợp

TM. BAN THƯỜNG VỤ